TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-03-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trịnh Văn Lực và ông Từ Anh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 891/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị T, sinh năm: 1985; thường trú: Thôn C, xã S, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở hiện nay: 21 khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: ông Nguyễn Công T1, sinh năm: 1984; thường trú: xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện nay: tổ D, khu phố C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Công T1 quen biết, tự do yêu đương và chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01 do UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 04 tháng 8 năm 2008. Hôn nhân giữa bà T và ông Nguyễn Công T1 là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn căng thẳng. Ông T1 từng đánh đập, bạo hành bá T, chửi bới, xúc phạm cha mẹ bà. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành nên sống ly thân từ cuối năm 2021. Nay nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công T1.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng H, sinh ngày 25/06/2008; Nguyễn Lê Hoàng Q, sinh ngày 01/9/2010; Nguyễn Lê Hồng P, sinh ngày 07/02/2013. Hiện các con đang sống cùng với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Công T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/02/2026, ông Nguyễn Công T1 trình bày:

Ông T1 và bà Lê Thị T quen biết, tự do yêu đương và chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01 do UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 04 tháng 8 năm 2008. Hôn nhân giữa ông T1 và bà Lê Thị T là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian. Khi bà T bị ốm ông T1 vẫn tận tình chăm sóc. Nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn căng thẳng. Ông T1 nghi ngờ bà T có quan hệ với người khác. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Bà T đưa con bỏ về quê, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021. Nay nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên bà Lê Thị T yêu cầu được ly hôn thì ông T1 đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng H, sinh ngày 25/06/2008; Nguyễn Lê Hoàng Q, sinh ngày 01/9/2010; Nguyễn Lê Hồng P, sinh ngày 07/02/2013. Hiện các cháu đang sống cùng bà T1. Sau khi ly hôn, ông T đồng ý giao 03 con chung cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01 do UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 04 tháng 8 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nên bà Lê Thị T có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Công T1. Ông T1 đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận ly hôn giữa bà T và ông T1.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 có 03 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng H, sinh ngày 25/06/2008; Nguyễn Lê Hoàng Q, sinh ngày 01/9/2010; Nguyễn Lê Hồng P, sinh ngày 07/02/2013. Con chung hiện nay do bà T người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T và ông T1 thống nhất giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, điều này phù hợp với nguyện vọng của các cháu mong muốn sống chung cùng với bà T sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và ông T1, giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng các con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: bà Lê Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 28, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Công T1.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Công T1.

Về con chung: ông Nguyễn Công T1 giao 03 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng H, sinh ngày 25/06/2008; Nguyễn Lê Hoàng Q, sinh ngày 01/9/2010 và Nguyễn Lê Hồng P, sinh ngày 07/02/2013 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Công T1 có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048154 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16- TP Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- UBND xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền